

Bản án số: 07/2018/DS - ST

Ngày: 28-9-2018

V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA – TP HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Viết Côi và Bà Nguyễn Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khuyển - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2017/TLST- DS ngày 01 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2018/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2018/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn : Công ty TNHH Một thành viên Q

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến Đ

Địa chỉ trụ sở: Số 22, H, L, H1, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vương Văn T và ông Trần Tuấn A –
Đều là cán bộ VPBank (Ông Tuấn A có mặt)

(Văn bản ủy quyền số 769/2017/UQ-VPB ngày 08/6/2017)

2. Bị đơn : Bà Trần Thị T – sinh năm 1971 (có mặt)

Nơi ĐKKHTT: Đội 1, thôn T, xã V, huyện U, thành phố Hà Nội.

3. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Anh **Nguyễn Hải D** – sinh năm 1992 (vắng mặt)

+ Chị **Nguyễn Thị N** – sinh năm 1989 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHTT: Đội 1, thôn T, xã V, huyện U, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên Q trình bày: Ngày 22/08/2014, bà Trần Thị T có ký kết Hợp đồng tín dụng số 1705326 với Ngân hàng TMCP Việt Nam T – Chi nhánh Thăng Long vay số tiền 2.300.000.000đ (Hai tỷ ba trăm triệu đồng); mục

đích vay: mua sắm vật dụng gia đình; Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày 22/8/2014; Các kỳ hạn trả nợ: bên vay phải thanh toán cho bên Ngân hàng nợ gốc và nợ lãi 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng; Lãi suất vay và kỳ hạn điều chỉnh: Lãi suất cho vay là 5%/năm, lãi suất này được cố định trong vòng 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 06 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bậc thang thấp nhất của bên ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4.5%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150%/ lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ và các nghĩa vụ khác bà Trần Thị T đã thế chấp 01 Bất động sản theo hợp đồng thế chấp sau: Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 102, tờ bản đồ 11, địa chỉ: Đội 1, thôn T, xã V, huyện U, TP. Hà Nội. Theo giấy chứng nhận số số: BR 903649, sổ sổ cấp GCN: CH02649 do Ủy ban nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội cấp ngày 20/12/2013 đứng tên bà Trần Thị T.

Việc thế chấp tài sản bảo đảm này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật cụ thể được thể hiện tại Hợp đồng thế chấp số 2815/2014 ký ngày 21/8/2014 tại văn phòng công chứng Kinh Đô. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, bà Trần Thị T đã được VPBank giải ngân là 2.300.000.000đ theo Khế ước nhận nợ số 1705326 ngày 22/8/2014.

Tuy nhiên trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, bà T đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong Hợp đồng tín dụng. Việc vi phạm thời hạn thanh toán đã dẫn đến khoản vay của bà T tại VPBank đã bị chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 25/5/2015. Sau khi khoản vay của bà T chuyển sang nợ quá hạn, VPBank đã nhiều lần làm việc yêu cầu bà T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà T vẫn không trả.

Ngày 11/12/2015, VPBank đã bán khoản nợ của bà Trần Thị T cho Q theo Hợp đồng mua, bán nợ số 23305/2015/MBN.Q2-VPBANK; theo hợp đồng mua bán nợ này VPBank đã chuyển quyền chủ nợ của khoản nợ bà Trần Thị T cho Q. Để bảo vệ quyền và lợi ích của mình, Q gửi đơn khởi kiện đề nghị Tòa giải quyết các vấn đề sau:

- + Buộc bà T thanh toán cho Q số tiền 3.786.917.870 đồng (lãi tính đến ngày 18/10/2017), trong đó: nợ gốc: 2.242.499.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 60.116.800đ; lãi quá hạn: 1.006.813.609 đồng và phạt chậm trả lãi là 477.488.461đ.

- + Về lãi suất: Buộc bà T phải tiếp tục thanh toán cho Q tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 27/9/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- + Trường hợp bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Q thì Q đề nghị được cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp (như đã nêu ở trên) để thu hồi nợ.

Sau đó, Q rút yêu cầu đề nghị đối với số tiền phạt chậm trả lãi: 477.488.461đ và đề nghị bà T phải thanh toán cho Q số tiền **3.309.429.409** đồng (lãi tính đến ngày 18/10/2017), trong đó: nợ gốc: 2.242.499.000đ, nợ lãi trong hạn: 60.116.800đ và lãi quá hạn: 1.006.813.609 đồng.

Trong quá trình tham gia tố tụng bà Trần Thị T là bị đơn trình bày: Bà thừa nhận đã ký kết hợp đồng tín dụng số 1705326 ngày 22/8/2014 với VPBank – Chi nhánh Thăng Long vay số tiền 2.300.000.000đ (Hai tỷ ba trăm triệu đồng). Cùng ngày bà được VPBank giải ngân số tiền này. Để đảm bảo khoản vay trên bà đã thế chấp 01 Bất động sản theo hợp đồng thế chấp sau: Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 102, tờ bản đồ 11, địa chỉ: Đội 1, thôn T, xã V, huyện U, TP. Hà Nội. Theo giấy chứng nhận số số: BR 903649, số sổ cấp GCN: CH02649 do Ủy ban nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội cấp ngày 20/12/2013 đứng tên bà Trần Thị T. Hợp đồng thế chấp số 2815/2014 ký ngày 21/8/2014 tại văn phòng công chứng Kinh Đô.

Sau khi được giải ngân bà đã thanh toán cho VPBank tiền gốc lãi được vài tháng thì do điều kiện kinh tế quá khó khăn nên bà không có khả năng thanh toán cho VPBank tiền gốc, lãi như thỏa thuận trong Hợp đồng.

Bà xác nhận hiện còn nợ tiền Q tạm tính đến ngày 18/10/2017 tổng số tiền **3.309.429.409** đồng (lãi tính đến ngày 18/10/2017), trong đó: nợ gốc: 2.242.499.000đ, nợ lãi trong hạn: 60.116.800đ và lãi quá hạn: 1.006.813.609 đ.

Đối với số tiền nợ gốc và nợ lãi trên bà đề nghị Q miễn cho bà toàn bộ số tiền nợ lãi quá hạn; số tiền nợ gốc: 2.242.499.000 đồng và nợ lãi trong hạn: 60.116.800đ thì cho bà thu xếp trả dần.

Trong quá trình tham gia tố tụng anh Nguyễn Hải D và chị Nguyễn Thị N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Anh, chị là con trai và con dâu bà Trần Thị T. Anh chị được có biết năm 2014 bà T ký kết Hợp đồng tín dụng để vay vốn của VPBank và đã thế chấp 01 bất động sản. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên anh chị đề nghị Tòa án và Q miễn toàn bộ tiền lãi, còn tiền nợ gốc thì tạo điều kiện cho bà T làm ăn trả nợ dần.

Tại phiên tòa ngày hôm nay:

+ Đại diện Q có thay đổi về số tiền đề nghị bà T phải thanh toán là: đề nghị Tòa giải quyết buộc bà Trần Thị T thanh toán trả cho Q tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 26/9/2018 là: **3.763.381.285** (Ba tỷ bảy trăm sáu mươi ba triệu ba trăm tám mươi một nghìn hai trăm tám mươi lăm đồng) trong đó, nợ gốc là: 2.242.499.000đ, nợ lãi trong hạn là 75.328.419đ và lãi quá hạn là 1.445.553.866đ)

+ Bà T đồng ý với tiền gốc và lãi như đại diện Q và có quan điểm đề nghị Tòa cũng như Q tạo điều kiện để cho bà trả nợ dần.

+ Anh D và chị N vắng mặt.

Ngoài ra không ai xuất trình thêm bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào khác và không có ý kiến thay đổi, bổ sung gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và hướng xử lý tài sản như nguyên đơn trình bày; về án phí:

bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đồng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp Hợp đồng vay tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015 thì vụ án Dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập bị đơn; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến tham gia phiên tòa vào ngày 31/7/2018 nhưng do sự vắng mặt của bà T, anh D và chị N nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Sau đó Tòa tiếp tục mở phiên Tòa vào ngày 30/8/2018 thì bà T có đơn xin hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng anh D, chị N vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[2] Về nội dung: Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Việc ký Hợp đồng tín dụng số 1705326 ngày 22/8/2014 giữa bà Trần Thị T với Ngân hàng VPBank với tổng hạn mức là 2.300.000.000đ (Hai tỷ ba trăm triệu đồng). Sau khi ký kết Hợp đồng, VPBank đã thực hiện giải ngân cho bà T tổng số tiền là 2.300.000.000đ theo Khế ước nhận nợ số 1705326 ngày 22/8/2014. Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng VPBank và bà T trên cơ sở tự nguyện, bảo đảm các quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã thanh toán tiền gốc là 57.501.000đ và tiền lãi là 55.655.922đ tổng 113.156.922đ cho Ngân hàng VPBank. Sau đó thì bà T không thanh toán cho VPBank đúng như cam kết thỏa thuận trong hợp đồng. Vì vậy, từ ngày 25/5/2015 toàn bộ số nợ trên được VPBank chuyển thành nợ quá hạn và VPBank đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng bà T vẫn không trả toàn bộ nợ gốc và lãi nói trên. Ngày 11/12/2015, VPBank đã bán khoản nợ của bà Trần Thị T cho Q theo Hợp đồng mua, bán nợ số 23305/2015/MBN.Q2-VPBANK. Do vi phạm hợp đồng, Q khởi kiện yêu cầu bà T phải thanh toán tiền nợ gốc là có căn cứ; Q yêu cầu bà T phải thanh toán tiền nợ gốc và lãi là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Q; cụ thể buộc bà Trần Thị T phải thanh toán trả Q số tiền (tính đến ngày 26/9/2018) nợ gốc là: 2.242.499.000đ, nợ lãi trong hạn là 75.328.419đ và lãi quá hạn là 1.445.553.866đ tổng là 3.763.381.285 (Ba tỷ bảy trăm sáu mươi ba triệu ba trăm tám mươi một nghìn hai trăm tám mươi lăm đồng). Buộc bà T phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết cũng như khế ước nhận nợ kể từ ngày 27/9/2018 cho đến khi thanh toán hết dư nợ gốc tương ứng với thời gian chậm trả.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản đảm bảo thì thấy: Khi ký kết Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận biện pháp bảo đảm, trong quá trình

thực hiện ký kết Hợp đồng tín dụng bà T có thể chấp 01 Bất động sản theo hợp đồng thế chấp sau: Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 102, tờ bản đồ 11, địa chỉ: Đội 1, thôn T, xã V, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội. Theo giấy chứng nhận số số: BR 903649, số sổ cấp GCN: CH02649 do Ủy ban nhân dân huyện U, thành phố Hà Nội cấp ngày 20/12/2013 đứng tên bà Trần Thị T. Hợp đồng thế chấp số 2815/2014 ký ngày 21/8/2014 tại văn phòng công chứng K.

Căn cứ các Điều 342, 343, 349, 350, 351, 355, 471, 474 và các Điều từ 715 đến 721 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất về “Trình tự, thủ tục đăng ký, xóa đăng ký thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất”, Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004; Nghị định số 136/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Do đó thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký giữa các bên có hiệu lực pháp luật để thi hành. Yêu cầu của phía nguyên đơn đề nghị được xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn không thanh toán các khoản nợ là có căn cứ để chấp nhận.

Tại thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất 102, tờ bản đồ 11, địa chỉ: Đội 1, thôn T, xã V, huyện U, TP. Hà Nội. Theo giấy chứng nhận số số: BR 903649 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Trần Thị T do UBND huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội cấp ngày 20/12/2013 đứng tên bà Trần Thị T không cho ai thuê, mượn, chuyển nhượng, tặng cho ai, không có tranh chấp với các hộ liên kề hay bất kỳ ai, tài sản trên đất vẫn giữ nguyên hiện trạng như khi thế chấp. Trên nhà đất thế chấp gồm bà Trần Thị T, anh Nguyễn Hải D, chị Đinh Thị N sinh sống và không có ý kiến gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Q tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phạt chậm trả lãi. Vì vậy, việc Q rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền phạt chậm trả lãi được Tòa chấp nhận là phù hợp với Điều 244 BLTTDS nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về chi phí thẩm định tài sản: Các đương sự không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 146; Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Trần Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự có giá gạch được tính trên số tiền nợ tính đến ngày 26/9/2018 là 107.268.000đ (Một trăm linh bảy triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng) Q không phải chịu án phí nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 của BLTTDS năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 305, 342, 343, 349, 350, 351, 355, 471, 474, 715, 716, 721 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 về trình tự, thủ tục đăng ký, xóa đăng ký thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 136/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về Giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị định số 08/2000/NĐ-CP ngày 10/3/2000 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Quyết định 1627/2001 của Ngân hàng Nhà nước về quy chế cho vay;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên Q đối với bà Trần Thị T.

2. Buộc bà Trần Thị T phải có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH Một thành viên Q, tính đến ngày 26/9/2018 là **3.763.381.285** (*Ba tỷ bảy trăm sáu mươi ba triệu ba trăm tám mươi một nghìn hai trăm tám mươi lăm đồng*) trong đó nợ gốc là: 2.242.499.000đ, nợ lãi trong hạn là 75.328.419 đ và lãi quá hạn là 1.445.553.866đ. Bà Trần Thị T tiếp tục phải chịu lãi suất trên số dư nợ gốc chưa thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất được thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết kể từ ngày 27/9/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ dư nợ gốc.

3. Trường hợp bà Trần Thị T không trả được số tiền nợ trên cho Q thì Q có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Q, cụ thể: Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 102, tờ bản đồ 11, địa chỉ: Đội 1, thôn T, xã V, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội. Theo giấy chứng nhận số số: BR 903649, số sổ cấp GCN: CH02649 do Ủy ban nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội cấp ngày 20/12/2013 đứng tên bà Trần Thị T. Hợp đồng thế chấp số 2815/2014 ký ngày 21/8/2014 tại văn phòng công chứng K. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả hết các khoản nợ cho Q thì bà T có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số nợ cho Q. Trường hợp xử lý tài sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải trả lại cho chủ sở hữu tài sản.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Bà Trần Thị T phải nộp: 107.268.000đ (*Một trăm linh bảy triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty TNHH Một thành viên Q 50.800.000đ (*Năm mươi triệu tám trăm nghìn đồng*) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008430 ngày 25/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội ;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS Ứng Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(*đã ký*)

Bùi Thanh Minh